

Bản án số: **48/2025/HS-PT**
Ngày: 14/01/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các thẩm phán: ông **Lê Văn Thường**
ông **Phùng Anh Dũng**

- Thư ký phiên tòa: bà **Nguyễn Phương Mai**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Lê Ra**, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 511/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo **Ngô Thị Thu H** và các bị cáo khác về tội “*Nhận hối lộ*”.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 86/2024/HS-ST ngày 09/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Ngô Thị Thu H; sinh ngày 30/10/1976, tại Thành phố Hà Nội; nơi thường trú: **số H, ngách C, ngõ A, tổ A, phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội;** nơi đã cư trú: **căn hộ A, tòa nhà T, N07 B đường T, phường D, quận C, thành phố Hà Nội;** nơi tạm trú: **Trung tâm Đ2, thôn T, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên;** nghề nghiệp: nguyên Chủ tịch Hội đồng thành viên **Công ty A2;** trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con **Ngô Văn D**, sinh năm 1955 và bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1955; bị cáo có chồng là **Trần Ngọc S**, sinh năm 1972 (đã ly hôn), có 02 con, con lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/3/2023 đến ngày 11/5/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; có mặt.

2. Phan Đình T1; sinh ngày 10/5/1972, tại tỉnh Thái Bình; nơi thường trú: **tổ B, phường P, quận N, Thành phố Hà Nội**; nơi ở hiện tại: **thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk**; nghề nghiệp: nguyên Giám đốc **Công ty TNHH A2**; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phan Văn C**, sinh năm 1946 và bà **Phạm Thị Minh Đ**, sinh năm 1947; vợ là **Trần Thị Kim M**, sinh năm 1975 (đã ly hôn) và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; có mặt.

3. Mai Huỳnh Lệ T2; sinh ngày 06/12/1985, tại tỉnh Đồng Nai; nơi thường trú: **4 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; nơi ở hiện tại: **5 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; nghề nghiệp: nguyên Phó Giám đốc **Công ty TNHH A2**; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Mai Lộc T3**, sinh năm 1964 (đã chết) và bà **Huỳnh Thị T4**, sinh năm 1965; chồng là **Lê Xuân T5**, sinh năm 1976 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2023 đến ngày 11/5/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

4. Lại Phú H; sinh ngày 24/3/1965, tại tỉnh Hà Nam; nơi thường trú: **tổ dân phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; nơi ở hiện tại: **3 H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; nghề nghiệp: Đảng kiểm viên - Giám đốc **Trung tâm Đ3**; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lại Phú H1**, sinh năm 1936 và bà **Lại Thị C1**, sinh năm 1936 (đã chết); vợ là **Nguyễn Thanh T6**, sinh năm 1973 và có 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2023 đến ngày 11/5/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

5. Phạm Mạnh H2; sinh ngày 08/9/1987, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: **A L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; nghề nghiệp: Đảng kiểm viên - nguyên Phó Giám đốc **Trung tâm Đ3**; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phạm Văn M1**, sinh năm 1960 và bà **Trần Thị T7**, sinh năm 1960; vợ là **Hà Thị Thiên N**, sinh năm 1992 và có 01 người con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Nguyễn Châu Kim L; sinh ngày 25/5/1984, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: **A H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**; nghề nghiệp: Đảng kiểm viên - nguyên Phó Giám đốc **Trung tâm Đ3**; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông

Nguyễn Việt V, sinh năm 1946 và bà Châu Thị H3, sinh năm 1946; vợ là Huỳnh Thị Cẩm V1, sinh năm 1988 và có 03 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/3/2023 đến ngày 11/5/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

7. **Đinh Công K**; sinh ngày 02/9/1990, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: 0 đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: nguyên Trưởng phòng nghiệp vụ Trung tâm Đ3; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đinh T8**, sinh năm 1961 và bà **Đinh Thị Thu H4**, sinh năm 1963; vợ là **Cù Thị H5**, sinh năm 1990 và có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/02/2023 đến ngày 21/02/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. **Nguyễn Phước Q**; sinh ngày 07/5/1993, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: C P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Đảng kiểm viên; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Phước A**, sinh năm 1958 và bà **Trần Thị H6**, sinh năm 1965; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2023 đến ngày 11/5/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

9. **Nguyễn Khắc Q1**; sinh ngày 08/3/1991, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Nhân viên Trung tâm Đ3; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Khắc P**, sinh năm 1952 và bà **Đinh Thị T9**, sinh năm 1954; vợ là **Nguyễn Lê Yên N1**, sinh năm 1999 và có 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

10. **Phan Việt T10**; sinh ngày 20/5/1998, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi thường trú: tổ dân phố D, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nơi ở hiện tại: số nhà F, đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Nhân viên Trung tâm Đ3; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phan Văn K1**, sinh năm 1965 và bà **Trần Thị H6**, sinh năm 1967; vợ là **Huỳnh Lê Lâm T11**, sinh năm 1998 và có 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

11. **Nguyễn Quang T12**; sinh ngày 10/3/1998, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Nhân viên Trung tâm Đ3; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo:

không; quốc tịch: Việt Nam; con ông [Nguyễn Văn T13](#), sinh năm 1964 và bà [Chu Thị Đ1](#), sinh năm 1970; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 20/12/2013, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” được khấu trừ thời gian tạm giam (từ ngày 14/3/2013 đến ngày 26/4/2013) là 01 tháng 13 ngày. Mức hình phạt còn lại bị cáo phải chấp hành là 01 năm 07 tháng 17 ngày tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm 03 tháng 04 ngày, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, tại Bản án hình sự phúc thẩm số 490/2013/HSPT. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2023 đến ngày 11/5/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

12. [Nguyễn Trung C2](#); sinh ngày 23/12/1966, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký thường trú: [tổ dân phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk](#); nơi ở hiện nay: [số C A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk](#); nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông [Nguyễn Long V2](#), sinh năm 1937 và [Lâm Thị S1](#), sinh năm 1932 (đều đã chết); vợ là [Nguyễn Thị T14](#), sinh năm 1969 và có 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2023 đến ngày 11/5/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* [Ngô Thị Thu H](#): Luật sư [Nguyễn Hà A1 - Công ty L2](#), thuộc [Đoàn Luật sư thành phố H](#); có mặt.

- *Người bào chữa cho bị các cáo* [Phan Viết T10](#), [Nguyễn Quang T12](#): Luật sư [Nguyễn Đình C3 - V4](#), thuộc [Đoàn Luật sư tỉnh Đ](#); có mặt.

Ngoài ra còn có 02 bị cáo khác trong vụ án nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[Công ty trách nhiệm hữu hạn A2](#) (sau đây viết tắt là [Công ty A2](#)) được Phòng Đăng ký kinh doanh [Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ](#) cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; Mã số doanh nghiệp 6001654912, đăng ký lần đầu ngày 26/3/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 17/10/2022; địa chỉ trụ sở: [thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk](#); nơi đăng ký quản lý thuế: [Chi cục Thuế huyện K](#); ngành, nghề kinh doanh: Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; Chủ sở hữu/Người đại diện theo pháp luật là [Ngô Thị Thu H](#), là Chủ tịch Hội đồng thành viên và [Phan Đình T1](#), là Giám đốc. [Công ty A2](#) có 02 cá nhân góp vốn, cụ thể từ giai đoạn năm 2021 đến ngày 20/4/2022, [Ngô Thị Thu H](#) nắm giữ 90%, [Ngô Minh H7](#) (là em ruột của [Ngô Thị Thu H](#), sinh năm 1981, trú tại [P, N](#),

đường T, phường D, quận C, thành phố Hà Nội) nắm giữ 10%. Từ ngày 20/4/2022 đến nay, Ngô Thị Thu H nắm giữ 80%, Ngô Thị Thu H8 (là em ruột của H, sinh năm 1980, đăng ký thường trú tại số nhà H, Ngách C, Ngõ A, Tổ A, phường Y, Quận C, thành phố Hà Nội, hiện đang sinh sống và làm việc tại Cộng hòa P) nắm giữ 20%.

Cơ cấu tổ chức của Công ty A2, gồm: Ngô Thị Thu H là Chủ tịch Hội đồng thành viên, Phan Đình T1 là Giám đốc, Mai Huỳnh Lệ T2 là Phó Giám đốc, Đinh Thị Thu H9 (sinh năm 1984, trú tại Căn hộ C, CT12C, khu đô thị K, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội), là Kế toán làm việc từ xa.

Công ty A2 đăng ký thành lập Trung tâm Đ3 (sau đây viết tắt là Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 47-06D), địa chỉ tại thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, bắt đầu hoạt động đăng kiểm từ ngày 30/11/2021.

Cơ cấu tổ chức tại Trung tâm Đ3, gồm có Lại Phú H10 là Giám đốc; Phạm Mạnh H2 là Phó Giám đốc; Nguyễn Châu Kim L là Phó Giám đốc (từ ngày 14/10/2022 đến tháng 02/2023); Nguyễn Phước Q là Đăng kiểm viên; Đinh Công K là Trưởng phòng nghiệp vụ; Nguyễn Khắc Q1 và Phan Viết T10 là Nhân viên phòng nghiệp vụ; Đỗ Trọng Q2 là Kế toán (từ năm 2021 đến tháng 7/2022); Đinh Thị L1 là Kế toán (từ tháng 7/2022 đến tháng 02/2023); Nguyễn Trung C2 là Bảo vệ; Nguyễn Quang T12 là Nhân viên học việc.

Khoảng tháng 11/2021, Ngô Thị Thu H chỉ đạo K sắp xếp người thu tiền trái quy định của lái xe, chủ xe, đến cuối ngày thì nộp tiền lại cho Mai Huỳnh Lệ T2 để tổng hợp. Sau đó, K giao cho Nguyễn Quang T12 thu tiền trái quy định, đối với xe không có lỗi an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường mà các lái xe, chủ xe chưa tự nguyện đưa tiền bồi dưỡng thì đến giai đoạn dán tem, T12 gợi ý cho tiền bồi dưỡng, còn cho hay không thì tùy lái xe, chủ xe.

Đến đầu tháng 01/2022, Ngô Thị Thu H tổ chức cuộc họp tại Trung tâm Đ3, thành phần tham gia gồm: Ngô Thị Thu H, Phan Đình T1, Mai Huỳnh Lệ T2, Lại Phú H10, Phạm Mạnh H2, Đinh Công K, Nguyễn Khắc Q1, Phan Viết T10, Nguyễn Quang T12, Đỗ Trọng Q2, Nguyễn Phước Q. Trong cuộc họp, H giao công việc cho từng bộ phận và chỉ đạo phải tạo điều kiện cho khách hàng để thu hút phương tiện đến đăng kiểm, yêu cầu quá trình đăng kiểm phải làm nhanh, có thể bỏ qua một số lỗi kỹ thuật của phương tiện, đề cấp tem và giấy chứng nhận kiểm định cho phương tiện, từ đó thu tiền để bỏ qua lỗi, thu tiền bồi dưỡng của lái xe, chủ xe (gọi chung là tiền thu trái quy định). Tại cuộc họp, H lấy ý kiến nhân viên và quyết định tỷ lệ phân chia hưởng lợi từ nguồn tiền thu trái quy định. Theo đó, hàng tháng sau khi tổng hợp thì H sẽ giữ lại 78% và trích chuyển lại cho Trung tâm Đ3 tỷ lệ 22% trên tổng số tiền thu được, trong đó bộ phận đăng kiểm viên sẽ được hưởng 17%, bộ phận nghiệp vụ được hưởng 3%, Nguyễn Trung C2 được hưởng 1% và Nguyễn Quang T12 được hưởng 1%. Tất cả mọi người tham gia cuộc họp đều thống nhất với chủ trương và các ý kiến chỉ đạo của Ngô Thị Thu H. Đề

quản lý hoạt động thu tiền và kiểm soát số tiền thu trái quy định, [Ngô Thị Thu H](#) đã lập ra các nhóm chat trên các ứng dụng mạng xã hội, gồm:

Nhóm “BTC An Phát” ở ứng dụng Telegram, gồm: [Ngô Thị Thu H](#), [Phan Đình T1](#), [Đình Thị Thu H9](#), [Mai Huỳnh Lệ T2](#) và kế toán (giai đoạn trước tháng 7/2022 là [Đỗ Trọng Q2](#), còn từ tháng 7/2022 đến nay là [Đình Thị L1](#)), [Đình Thị Thu H9](#) (tham gia từ ngày 22/6/2022), mục đích là để theo dõi nguồn thu và các khoản chi của [Trung tâm Đ3](#), trong đó có doanh thu hàng ngày, thông tin xe đến đăng kiểm và số tiền trái quy định thu được, các khoản chi phí phát sinh hàng ngày.

Nhóm “DV 4706” ở ứng dụng Zalo, gồm: [Ngô Thị Thu H](#), [Phan Đình T1](#), [Đình Thị Thu H9](#), [Mai Huỳnh Lệ T2](#), [Lại Phú H10](#), [Đình Công K](#), mục đích để theo dõi số tiền trái quy định thu được của từng phương tiện ở từng thời điểm trong ngày.

Về quy trình đăng kiểm xe cơ giới được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 16/TT-BGTVT ngày 12/8/2021 của [Bộ G](#) gồm 05 công đoạn. Trong đó, công đoạn 1 là kiểm tra nhận dạng, tổng quát; công đoạn 2 là kiểm tra phần trên của phương tiện; công đoạn 3 là kiểm tra hiệu quả phanh và trượt ngang; công đoạn 4 là kiểm tra môi trường; công đoạn 5 là kiểm tra phần dưới của phương tiện.

Khi các xe vào dây chuyền kiểm tra 05 công đoạn nêu trên, nếu có lỗi thì Đăng kiểm viên phụ trách từng công đoạn sẽ ghi lỗi ra 01 tờ giấy (loại giấy A5), rồi đưa đến cho [Đăng kiểm V3](#) ở Công đoạn 5 để tổng hợp, sau đó Đăng kiểm viên ở công đoạn 5 sẽ đưa tờ giấy ghi lỗi cho lái xe, chủ xe và nói với họ ra gặp [Nguyễn Quang T12](#) hoặc [Nguyễn Trung C2](#) để xin bỏ qua lỗi của xe, hoặc có trường hợp Đăng kiểm viên sẽ đưa luôn tờ giấy ghi lỗi cho [Nguyễn Quang T12](#), [Nguyễn Trung C2](#), nếu đưa cho [C2](#) thì đa số [C2](#) cũng sẽ đưa cho [T12](#) để [T12](#) trực tiếp gặp chủ xe, lái xe để gợi ý họ đưa tiền để bỏ qua lỗi của xe. Khi lái xe, chủ xe đồng ý thì [T12](#) vào phòng nghiệp vụ báo cáo lại với [Đình Công K](#) hoặc đến phòng của [Lại P](#) để hỏi xem lỗi đó có bỏ qua được hay không, nếu bỏ qua được thì số tiền bao nhiêu. Sau đó, [T12](#) ra nói với lái xe, chủ xe, nếu đồng ý với số tiền đó thì lái xe, chủ xe kẹp tiền vào tờ giấy ghi lỗi rồi đưa cho [T12](#), [T12](#) ghi thông tin biển số xe và số tiền thu được vào tờ giấy, rồi báo cho [K](#) biết để [K](#) nhấn lên nhóm “DV 4706” về số tiền và biển kiểm soát của từng phương tiện, có phương tiện thì [K](#) nhấn cả nội dung lỗi của xe, có xe không nhấn lỗi. Sau đó, [T12](#) cất tiền vào hộc bàn nơi ngồi làm việc của [T12](#) để cuối ngày tổng hợp chuyển cho kế toán là [Đỗ Trọng Q2](#) hoặc [Đình Thị L1](#) để kế toán tổng hợp lại và báo cáo cho [Mai Huỳnh Lệ T2](#), sau đó [T2](#) chuyển tiền cho [Ngô Thị Thu H](#). Sau khi thu tiền xong thì [T12](#) ra báo cho các Đăng kiểm viên để bỏ qua lỗi. Đối với một số chủ xe không có tiền mặt muốn chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng thì [T12](#) nói với [Nguyễn Khắc Q1](#) phụ trách thu phí đường bộ khi thu tiền qua chuyển khoản ngân hàng thì thu thêm số tiền mà chủ xe, lái xe phải đưa để

bỏ qua lỗi, Q1 đồng ý và hướng dẫn chủ xe, lái xe chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng đúng tên Mai Huỳnh Lê T2.

Việc bỏ qua lỗi được thực hiện như sau, đối với các công đoạn kiểm tra thủ công bằng tay và mắt thường như tại công đoạn 1, 2 và 5 thì Đăng kiểm viên không ghi nhận lỗi trên chương trình đăng kiểm và cho xe đến kiểm tra ở công đoạn tiếp theo. Đối với các công đoạn kiểm tra bằng thiết bị như công đoạn 3 và 4 hoặc một số hạng mục của công đoạn khác cần kiểm tra bằng thiết bị như thiết bị đo độ sáng đèn xe, thiết bị đo khí thải thì khi đo bằng thiết bị sẽ hiển thị lên phần mềm MAHA, phần mềm MAHA liên kết với chương trình đăng kiểm để lưu kết quả kiểm tra. Đăng kiểm viên bỏ qua lỗi bằng cách khi xe có lỗi không đạt thì đăng kiểm viên cho xe tiếp theo vào kiểm tra, nếu kiểm tra đạt thì ghi nhận kết quả trên phần mềm 02 lần, 01 lần để lưu kết quả cho xe không đạt đã kiểm tra trước và 01 lần để lưu kết quả cho xe đang kiểm tra. Một số thủ đoạn bỏ qua lỗi khác như đo độ sáng đèn xe nếu có một bên đèn không đạt thì đăng kiểm viên chỉ đưa thiết bị đo vào đèn đạt và bấm ghi nhận kết quả đạt cho cả 02 đèn hoặc đo trượt ngang, lực phanh thì theo quy định chỉ đo trục bánh xe phía trước, nếu trục trước của xe không đạt thì sẽ cho xe di chuyển đưa trục sau của xe vào máy đo để ghi nhận, lưu kết quả đạt. Các Đăng kiểm viên gồm Phạm Mạnh H2 phụ trách công đoạn 1 và 4, Nguyễn Phước Q phụ trách công đoạn 2 và 3, Nguyễn Châu Kim L phụ trách công đoạn 5 và đo độ sáng đèn thuộc công đoạn 1 nhưng được kết hợp kiểm tra tại công đoạn 5, Lại Phú H10 chủ yếu kiểm tra, ký cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, nhưng khi L vắng thì H10 làm thay công đoạn mà L phụ trách. Các đăng kiểm viên phụ trách tại các công đoạn đều thực hiện việc bỏ qua lỗi như đã nêu trên. Trường hợp xe có lỗi mà không đưa tiền thì không được đăng kiểm mà phải đưa đi sửa chữa khắc phục các lỗi đăng kiểm. Ngoài ra, đối với các xe có lắp Camera giám sát hành trình bên trong khoang hành khách, thì theo quy định trước khi vào đăng kiểm phải chụp hình ảnh rõ bên trong khoang xe. Tuy nhiên, đối với những xe khách đã thay đổi kết cấu bên trong khoang hành khách, như thay đổi số giường, số ghế thì Phan Viết T10 là nhân viên phòng nghiệp vụ phụ trách công việc tiếp nhận hồ sơ xe đến đăng kiểm, kiểm tra định vị xe và C4 giám sát hành trình, lập Phiếu theo dõi hồ sơ xe đăng kiểm, T10 đã phối hợp với K để các cá nhân khác chỉnh góc quay của C4 để không nhìn thấy lỗi bên trong khoang hành khách, sau đó T10 lựa chọn hình ảnh mà C4 tự chụp rồi in ra và lưu vào hồ sơ đăng kiểm, nhằm mục đích bỏ qua lỗi trong khoang hành khách của xe.

Quá trình Trung tâm Đ3 hoạt động thì Phan Đình T1 là người quản lý, giám sát hoạt động của Trung tâm, quản lý điều hành về mặt hành chính nhân sự, T1 đồng thuận thực hiện chủ trương, chỉ đạo của H, tạo điều kiện thuận lợi để Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 47-06D hoạt động thu tiền trái quy định.

Quá trình điều tra đã xác định được từ ngày 30/11/2021 đến tháng 12/2022, bị cáo Ngô Thị Thu H đã tổ chức cho các cá nhân tại Công ty A2

và **Trung tâm Đ3** nhận tiền trái quy định của lái xe, chủ xe số tiền **1.297.100.000 đồng** (một tỷ hai trăm chín mươi bảy triệu một trăm nghìn đồng). Số tiền này các bị cáo chia nhau hưởng lợi như sau: **Ngô Thị Thu H** hưởng lợi 1.012.710.000 đồng; **Mai Huỳnh Lệ T2** hưởng lợi 10.480.600 đồng; **Đinh Công K** hưởng lợi 11.480.600 đồng; **Nguyễn Khắc Q1** hưởng lợi 10.480.600 đồng; **Phan Viết T10** hưởng lợi 10.480.600 đồng; **Lại Phú H10** hưởng lợi 65.606.250 đồng; **Nguyễn Phước Q** hưởng lợi 65.606.250 đồng; **Phạm Mạnh H2** hưởng lợi 64.756.250 đồng; **Đỗ Trọng Q2** hưởng lợi 6.767.500 đồng; **Đinh Thị L1** hưởng lợi 3.713.100 đồng; **Nguyễn Quang T12** hưởng lợi 12.560.000 đồng; **Nguyễn Trung C2** hưởng lợi 12.560.000 đồng; **Nguyễn Châu Kim L** hưởng lợi 9.898.250 đồng; riêng bị cáo **Phan Đình Thám K2** được chia tiền trực tiếp từ số tiền thu trái quy định.

Trong đó đã chứng minh được số tiền nhận hối lộ là **81.000.000 đồng** (tám mươi một triệu đồng), để bỏ qua lỗi an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe, để đăng kiểm nhanh hoặc gợi ý lái xe, chủ xe đưa tiền trong quá trình đăng kiểm, cụ thể: đã có **149 lượt** phương tiện đưa tổng **62.200.000 đồng** (sáu mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng) để bỏ qua lỗi an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, trong số này có 04 cá nhân đưa 10 lượt phương tiện đến đăng kiểm, mỗi lần đưa từ 2.000.000 đồng trở lên để bỏ qua lỗi an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, gồm:

- Ngày 18/02/2022, ông **Nguyễn Duy T15** (sinh năm 1987, trú tại **tổ dân phố H, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**) chuyển khoản 8.000.000 đồng từ số tài khoản 63210000245630 của ông **T15** mở tại **ngân hàng B** đến số tài khoản 5223205134444 của **Đinh Công K** mở tại **ngân hàng A3**, để bỏ qua lỗi coi nói thành thùng xe của 02 xe ô tô biển kiểm soát 47C-226.42 và 47C-226.93. **K** báo cáo lên nhóm “DV 4706” và chuyển tiền 7.000.000 đồng cho **Mai Huỳnh Lệ T2**, **K** giữ lại 1.000.000 đồng; ngày 23/6/2022, ông **Nguyễn Duy T15** tiếp tục chuyển khoản 3.000.000 đồng từ số tài khoản 0989802882 của ông **T15** mở tại **Ngân hàng M3** vào số tài khoản 3888885858 của **Mai Huỳnh Lệ T2** mở tại **Ngân hàng M3** để bỏ qua lỗi coi nói thành thùng xe ô tô biển kiểm soát 47C-234.00.

- Ông **Hồ Bảo T16** (sinh năm 1983, trú tại **Thôn D, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**) đưa xe ô tô biển kiểm soát 92K - 2911 đến đăng kiểm vào các ngày 05/01/2022, 05/4/2022 và 03/7/2022, mỗi lần đăng kiểm ông **T16** đều đưa số tiền 800.000 đồng cho nhân viên **Trung tâm Đ3** để được bỏ qua lỗi số máy mờ. Như vậy, ông **T16** đưa tổng cộng 2.400.000 đồng.

- Ông **Trần M2** (sinh năm 1969, trú tại **số A A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**) đưa 02 xe ô tô, nhãn hiệu THACO, loại xe ô tô khách giường nằm, biển kiểm soát 47B-027.61 và 47B-027.11 đến đăng kiểm lần lượt vào các ngày 02/11/2022 và 09/11/2022, ông **Trần M2** đã đưa tiền trực tiếp cho **Nguyễn Trung C2** số tiền 2.500.000 đồng/01 xe, tổng 02 xe là 5.000.000 đồng để xin bỏ qua lỗi tự ý tháo dây ghế giữa, hạ hàm xe.

- Ông **Nguyễn Hoài P1** (sinh năm 1997, trú tại **Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**) đưa 02 xe ô tô nhãn hiệu THACO, biển kiểm soát 51B - 279.85 và 51B - 280.31 đến đăng kiểm lần lượt vào ngày 18/6/2022 và 21/7/2022, ông **P1** đã đưa cho nhân viên **Trung tâm Đ3** số tiền 1.500.000 đồng/01 xe, tổng 02 xe là 3.000.000 đồng để xin bỏ qua lỗi tự ý hạ hầm.

Ngoài ra còn có **35 lượt** phương tiện đưa tổng số tiền **7.200.000 đồng** để làm nhanh; **57 lượt** phương tiện đưa tổng số tiền **11.600.000 đồng** theo yêu cầu, gợi ý của nhân viên **Trung tâm Đ3**.

Như vậy, số tiền nhận hối lộ mà Cơ quan điều tra đã chứng minh được là **81.000.000 đồng**, trong đó các bị cáo **Ngô Thị Thu H, Phan Đình T1, Mai Huỳnh Lê T2, Lại Phú H10, Phạm Mạnh H2, Nguyễn Phước Q, Đinh Công K, Phan Viết T10, Nguyễn Khắc Q1, Nguyễn Quang T12** và **Nguyễn Trung C2** chịu trách nhiệm đối với toàn bộ số tiền nhận hối lộ **81.000.000 đồng**; **Đỗ Trọng Q2** chịu trách nhiệm đối với số tiền nhận hối lộ trong thời gian làm việc tại **Trung tâm Đ3** từ ngày 30/11/2021 đến ngày 06/7/2022 là **73.000.000 đồng**; **Đinh Thị L1** chịu trách nhiệm đối với số tiền nhận hối lộ trong thời gian làm việc tại **Trung tâm Đ3** từ ngày 04/7/2022 đến tháng 12/2022 là **8.800.000 đồng**; **Nguyễn Châu Kim L** chịu trách nhiệm đối với số tiền nhận hối lộ trong thời gian làm việc tại **Trung tâm Đ3** từ ngày 14/10/2022 đến tháng 12/2022 là **5.500.000 đồng**. Số tiền còn lại **1.216.100.000 đồng** (1.297.100.000 đồng – 81.000.000 đồng), mặc dù không xác định được là tiền nhận hối lộ, nhưng xác định là số tiền thu lợi bất chính trái quy định, tạo ra tiêu cực trong lĩnh vực đăng kiểm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 86/2024/HS-ST ngày 09/8/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định: tuyên bố các bị cáo **Ngô Thị Thu H, Phan Đình T1, Mai Huỳnh Lê T2, Lại Phú H10, Phạm Mạnh H2, Nguyễn Châu Kim L, Đinh Công K, Nguyễn Phước Q, Nguyễn Khắc Q1, Phan Viết T10, Nguyễn Quang T12** và **Nguyễn Trung C2**, phạm tội “*Nhận hối lộ*”.

Về hình phạt:

Áp dụng điểm a, đ khoản 2, khoản 6 Điều 354; các điểm b, s, t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo: áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Lại Phú H10**;

- Xử phạt bị cáo **Ngô Thị Thu H** 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/3/2023 đến ngày 11/5/2023.

- Xử phạt bị cáo **Mai Huỳnh Lê T2** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2023 đến ngày 11/5/2023.

- Xử phạt bị cáo **Đinh Công K** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 12/02/2023 đến ngày 21/02/2023.

- Xử phạt bị cáo **Phạm Mạnh H2** 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Phước Q** 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2023 đến ngày 11/5/2023.

- Xử phạt bị cáo **Lại Phú H10** 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/2/2023 đến ngày 11/5/2023.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Châu Kim L** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị bắt tạm giam từ ngày 17/3/2023 đến ngày 11/5/2023.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quang T12** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2023 đến ngày 11/5/2023.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trung C2** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2023 đến ngày 11/5/2023.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Khắc Q1** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo **Phan Viết T10** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo **Phan Đình T1** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác; quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, các bị cáo **Ngô Thị Thu H**, **Phan Đình T1** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo **Mai Huỳnh Lệ T2**, **Lại Phú H10**, **Phạm Mạnh H2**, **Nguyễn Châu Kim L**, **Đinh Công K**, **Nguyễn Phước Q**, **Nguyễn Khắc Q1**, **Phan Viết T10**, **Nguyễn Quang T12** và **Nguyễn Trung C2** kháng cáo với cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo và căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của tất cả các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm cho mỗi bị cáo một phần hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo [Ngô Thị Thu H](#) và các bị cáo [Phan Viết T10](#), [Nguyễn Quang T12](#) trình bày quan điểm thống nhất về tội danh mà Tòa cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo; thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc giảm cho các bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất để thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật cũng như việc thống nhất áp dụng pháp luật trong xét xử loại tội tương tự diễn ra trong phạm vi cả nước trong thời gian vừa qua.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: sau khi xét xử sơ thẩm, các ngày 14 đến 21/8/2024, các bị cáo [Ngô Thị Thu H](#), [Phan Đình T1](#), [Mai Huỳnh Lệ T2](#), [Lại Phú H10](#), [Phạm Mạnh H2](#), [Nguyễn Châu Kim L](#), [Đình Công K](#), [Nguyễn Phước Q](#), [Nguyễn Khắc Q1](#), [Phan Viết T10](#), [Nguyễn Quang T12](#) và [Nguyễn Trung C2](#) kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 86/2024/HS-ST ngày 09/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.]. Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét các nội dung sau:

[2.1]. Về tội danh:

[Công ty TNHH A2](#) được Phòng Đăng ký kinh doanh, [Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ](#) cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, ngành, nghề kinh doanh: Kiểm tra và phân tích kỹ thuật; người đại diện theo pháp luật là [Ngô Thị Thu H](#); [Công ty A2](#) đăng ký thành lập [Trung tâm Đ3](#) tại địa chỉ [thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk](#), bắt đầu hoạt động đăng kiểm từ ngày 30/11/2021. Trong thời gian từ ngày 30/11/2021 đến tháng 12/2022, tại [Trung tâm Đ3](#), các bị cáo [Ngô Thị Thu H](#), [Phan Đình T1](#), [Mai Huỳnh Lệ T2](#), [Lại Phú H10](#), [Phạm Mạnh H2](#), [Nguyễn Châu Kim L](#), [Đình Công K](#), [Nguyễn Phước Q](#), [Đỗ Trọng Q2](#), [Đinh Thị L1](#), [Nguyễn Khắc Q1](#), [Phan Viết T10](#), [Nguyễn Quang T12](#) và [Nguyễn Trung C2](#) đã nhận tổng cộng **81.000.0000** đồng để bỏ qua các lỗi an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường của xe, đăng kiểm nhanh cho 241 lượt phương tiện đến đăng kiểm; các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, buông lỏng quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đăng kiểm để tổ chức thu tiền trái quy định của các lái xe, chủ xe đến đăng kiểm tại [Trung tâm Đ3](#) với số tiền **1.216.100.000** đồng. Trong tổng số tiền **1.297.100.000** đồng nhận hối lộ và thu trái quy định, các bị cáo chia nhau hưởng lợi, cụ thể: [Ngô Thị Thu H](#) hưởng lợi 1.012.710.000 đồng, [Mai Huỳnh Lệ T2](#) hưởng lợi 10.480.600 đồng, [Đình Công K](#) hưởng lợi 11.480.600 đồng, [Nguyễn Khắc Q1](#) hưởng lợi 10.480.600 đồng, [Phan Viết T10](#) hưởng lợi 10.480.600 đồng, [Lại Phú H10](#) hưởng lợi 65.606.250

đồng, Nguyễn Phước Q hưởng lợi 65.606.250 đồng, Phạm Mạnh H2 hưởng lợi 64.756.250 đồng, Nguyễn Quang T12 hưởng lợi 12.560.000 đồng, Nguyễn Trung C2 hưởng lợi 12.560.000 đồng, Nguyễn Châu Kim L hưởng lợi 9.898.250 đồng. Riêng bị cáo Phan Đình Thám K2 được chia tiền trực tiếp từ số tiền nhận hối lộ và thu trái quy định nêu trên.

Với hành vi và hậu quả nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm kết tội Ngô Thị Thu H, Phan Đình T1, Mai Huỳnh Lệ T2, Lại Phú H10, Phạm Mạnh H2, Nguyễn Châu Kim L, Đinh Công K, Nguyễn Phước Q, Nguyễn Khắc Q1, Phan Viết T10, Nguyễn Quang T12 và Nguyễn Trung C2 về tội “*Nhận hối lộ*” với các tình tiết định khung “*Có tổ chức*” và “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại các điểm a, đ khoản 2 Điều 354 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, các bị cáo đều nhận thức được việc nhận tiền để bỏ qua lỗi của các phương tiện không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận để cấp sổ kiểm định là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi cá nhân, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực đăng kiểm phương tiện cơ giới đường bộ, gây bức xúc và mất niềm tin trong nhân dân, các phương tiện không đủ điều kiện đăng kiểm nếu được đưa vào hoạt động có nguy cơ gây nguy hiểm đối với trật tự an toàn giao thông, gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe con người và tài sản của cá nhân, tổ chức. Vì vậy, cần có một mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo. Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội có tổ chức, tuy nhiên tính chất, vai trò và mức độ tham gia là khác nhau, nên cần phân hóa mức độ trách nhiệm hình sự từ đó cá thể hóa hình phạt đúng quy định pháp luật.

[2.2.1]. Bị cáo Ngô Thị Thu H là Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH A2, là người chủ mưu, khởi xướng việc nhận hối lộ của các chủ phương tiện, là người chủ trì cuộc họp giao việc, chỉ đạo từng bộ phận phải tạo điều kiện cho khách hàng để thu hút phương tiện đến đăng kiểm, yêu cầu quá trình đăng kiểm phải làm nhanh, có thể bỏ qua một số lỗi kỹ thuật của phương tiện, để cấp tem và giấy chứng nhận kiểm định cho phương tiện, từ đó thu tiền để bỏ qua lỗi, thu tiền bồi dưỡng của lái xe, chủ xe, thống nhất tỷ lệ phần trăm chia số tiền nhận hối lộ, lập nhóm chat để theo dõi số tiền thu trái quy định của các phương tiện tham gia đăng kiểm. Bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án, số tiền bị cáo hưởng lợi từ tiền thu lợi bất chính và tiền nhận hối lộ nhiều nhất 1.012.710.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá mức độ trách nhiệm hình sự của bị cáo cao nhất trong vụ án là có căn cứ.

[2.2.2]. Bị cáo Mai Huỳnh Lệ T2, nguyên là Phó Giám đốc của Công ty A2, bị cáo nhận thức được việc chỉ đạo của bị cáo Ngô Thị Thu H là trái pháp luật nhưng vẫn đồng ý và thực hiện theo sự phân công của H để nhận

tiền từ bộ phận kế toán chuyển đến, tổng hợp và phân chia tiền theo tỷ lệ đã được thông qua; bị cáo **Đinh Công K**, là Trưởng phòng nghiệp vụ, theo sự chỉ đạo của bị cáo **H** đã phân công cho bị cáo **Nguyễn Quang T12** thu tiền của lái xe và chủ xe, sau khi bị cáo **T12** báo cáo về lỗi của các phương tiện, bị cáo giữ vai trò quyết định xét việc bỏ qua lỗi hay không và ấn định số tiền mà chủ phương tiện phải đưa để được bỏ qua lỗi và sau khi nhận được tiền, bị cáo **K** phụ trách thông báo trên nhóm “DV 4706” để theo dõi. Do đó bản án sơ thẩm xác định các bị cáo **Mai Huỳnh Lệ T2**, **Đinh Công K** thực hiện tội phạm tích cực chỉ sau bị cáo **H** nên mức độ trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo còn lại trong vụ án và quyết định hình phạt đối với hai bị cáo ngang bằng nhau và thấp hơn so với bị cáo **H** là có cơ sở.

[2.2.3]. Đối với các bị cáo **Lại Phú H10**, **Phạm Mạnh H2** giữ chức vụ Giám đốc, Phó Giám đốc và **Nguyễn Phước Q** là Đảng kiểm viên thống nhất cùng với các bị cáo khác thực hiện theo sự chỉ đạo của bị cáo **H**, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ bỏ qua lỗi vi phạm của các phương tiện, ra kết quả kiểm định phương tiện không đúng quy định để nhận tiền hối lộ và đều được chia số tiền thu trái quy định nhiều hơn so với các bị cáo còn lại, trong đó bị cáo **H10** hưởng lợi 65.606.250 đồng; bị cáo **Q** hưởng lợi 65.606.250 đồng; bị cáo **Hoàng** hưởng lợi 64.756.250 đồng. Các bị cáo tham gia với vai trò là người thực hành, nhưng tính chất và vai trò tham gia hạn chế hơn so với bị cáo trên, nên mức hình phạt đối với các bị cáo thấp hơn so với các bị cáo **H**, **T2**, **K** như đánh giá của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp.

[2.2.4]. Đối với các bị cáo **Nguyễn Quang T12** và **Nguyễn Trung C2**, là người thực hành tích cực, các bị cáo trực tiếp gặp gỡ chủ phương tiện, lái xe gợi ý việc đưa tiền để bỏ qua lỗi phương tiện khi kiểm định, đồng thời các bị cáo là người trực tiếp nhận tiền từ chủ phương tiện và tổng hợp gửi cho **Đỗ Trọng Q2** hoặc **Đinh Thị L1**, là kế toán tổng hợp và báo cáo cho **Mai Huỳnh Lệ T2**; các bị cáo **Nguyễn Châu Kim L**, **Nguyễn Khắc Q1** và **Phan Viết T10** chịu trách nhiệm từng công đoạn kiểm định phương tiện. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các bị cáo đã thống nhất cùng các bị cáo khác bỏ qua lỗi vi phạm của các phương tiện, ra kết quả kiểm định phương tiện không đúng quy định, không phù hợp với tình trạng thực tế của phương tiện đi kiểm định để nhận tiền hối lộ. Các bị cáo **Nguyễn Quang T12**, **Nguyễn Trung C2**, **Nguyễn Châu Kim L**, **Nguyễn Khắc Q1** và **Phan Viết T10** thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người thực hành, mức độ thực hiện tội phạm là như nhau nhưng thứ yếu so với bị cáo khác nên mức hình phạt đối với các bị cáo này là ngang bằng nhau và thấp hơn so với các bị cáo khác.

[2.2.5]. Đối với bị cáo **Phan Đình T1**, mặc dù không được hưởng lợi từ số tiền nhận hối lộ nhưng bị cáo là người quản lý, chịu trách nhiệm giám sát hoạt động của Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 47-06D, quản lý điều hành về mặt hành chính nhân sự; bị cáo đồng thuận thực hiện chủ trương, chỉ đạo của **H**, tạo điều kiện thuận lợi để các bị cáo khác thực hiện việc nhận tiền hối lộ và thu tiền trái quy định nên mức hình phạt cũng phải tương xứng với mức độ và vai trò tham gia của bị cáo trong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã chủ động nộp lại toàn bộ số tiền nhận hối lộ và khoản thu lợi bất chính đã được nhận; các bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án; bị cáo **Lại Phú H10** có cha là ông **Lại Phú H1** và mẹ là **Lại Thị C1** có công với **N2**, cha bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất và Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng Ba, mẹ bị cáo được Huy chương kháng chiến hạng Nhì. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo **H10** được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng quy định.

Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân cũng như các tình tiết của vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **Ngô Thị Thu H 04** năm tù; **Mai Huỳnh Lệ T2** và **Đinh Công K 03** năm 06 tháng tù; **Phạm Mạnh H2**, **Nguyễn Phước Q** và **Lại Phú H10** cùng mức án 03 năm tù; **Nguyễn Châu Kim L**, **Nguyễn Quang T12**, **Nguyễn Trung C2**, **Nguyễn Khắc Q1**, **Phan Viết T10**, **Phan Đình T1** mỗi bị cáo 02 năm 06 tháng tù; mức hình phạt mà Toà sơ thẩm xử phạt các bị cáo là phù hợp và đã cân nhắc, xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo **Nguyễn Châu Kim L**, **Nguyễn Phước Q**, **Lại Phú H10**, **Nguyễn Quang T12**, **Phan Viết T10**, **Nguyễn Trung C2** cung cấp tài liệu biên lai nộp án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo **Phạm Mạnh H2**, **Nguyễn Phước Q**, **Nguyễn Châu Kim L**, **Phan Viết T10** được chính quyền địa phương xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân các bị cáo là lao động chính trong gia đình; **Ngô Thị Thu H** có nhiều thành tích trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, được Chủ tịch **UBND xã H** tặng Giấy khen, có nhiều đóng góp, ủng hộ cho quỹ thiện nguyện tại địa phương; **Phạm Mạnh H2** có ông ngoại là ông **Trần Đình T17** được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất, bị cáo có nhiều đóng góp ủng hộ đồng bào bị lũ lụt trong cơn bão Số 3 vừa qua; bị cáo **Mai Huỳnh Lệ T2** có ông nội là ông **Trà H11** là Liệt sỹ, chồng bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huy chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Nhì, hạng Ba; bị cáo **Nguyễn Quang T12** có ông, bà nội là người có công với đất nước trong cuộc kháng chiến chống Mỹ; **Phan Viết T10** có ông nội là ông **Phan Viết K3** là người có công với đất nước trong cuộc kháng chiến chống Mỹ; bị cáo **Phan Đình T1** có thời gian dài phục vụ trong quân đội (19 năm), ông nội bị cáo là ông **Phan Xuân C5** là người có công với cách mạng; **Nguyễn Khắc Q1** có ông, bà nội vợ là người có công với cách mạng; **Đinh Công K** có ông, bà ngoại là ông **Đinh P2**, bà **Nguyễn Thị N3** là người có công với **N2**, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất, hạng Nhì. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng để xem xét chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, giảm cho mỗi bị cáo một phần hình phạt như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà nhưng không cho các bị cáo **Mai Huỳnh Lệ T2**,

Lại Phú H10, Phạm Mạnh H2, Nguyễn Châu Kim L, Đinh Công K, Nguyễn Phước Q, Nguyễn Khắc Q1, Phan Viết T10, Nguyễn Quang T12 và Nguyễn Trung C2 được hưởng án treo như yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

[3]. Án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu.

[4]. Các phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Ngô Thị Thu H, Phan Đình T1, Mai Huỳnh Lệ T2, Lại Phú H10, Phạm Mạnh H2, Nguyễn Châu Kim L, Đinh Công K, Nguyễn Phước Q, Nguyễn Khắc Q1, Phan Viết T10, Nguyễn Quang T12 và Nguyễn Trung C2.**

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 86/2024/HS-ST ngày 09/8/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt đối với các bị cáo.

2. Áp dụng điểm a, đ khoản 2 Điều 354; các điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

2.1. Xử phạt bị cáo **Ngô Thị Thu H** 03 (ba) năm tù về tội “*Nhận hối lộ*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/3/2023 đến ngày 11/5/2023.

2.2. Xử phạt bị cáo **Mai Huỳnh Lệ T2** 03 (ba) năm tù về tội “*Nhận hối lộ*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2023 đến ngày 11/5/2023.

2.3. Xử phạt bị cáo **Đinh Công K** 03 (ba) năm tù về tội “*Nhận hối lộ*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 12/02/2023 đến ngày 21/02/2023.

2.4. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Phước Q** 02 (hai) năm tù về tội “*Nhận hối lộ*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2023 đến ngày 11/5/2023.

2.5. Xử phạt bị cáo **Lại Phú H10** 02 (hai) năm tù về tội “*Nhận hối lộ*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/2/2023 đến ngày 11/5/2023.

2.6. Xử phạt bị cáo **Phạm Mạnh H2** 02 (hai) năm tù về tội “*Nhận hối lộ*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

2.7. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Châu Kim L 02** (hai) năm tù về tội “*Nhận hối lộ*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị bắt tạm giam từ ngày 17/3/2023 đến ngày 11/5/2023.

2.8. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quang T12** 02 (hai) năm tù về tội “*Nhận hối lộ*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2023 đến ngày 11/5/2023.

2.9. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trung C2** 02 (hai) năm tù về tội “*Nhận hối lộ*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/02/2023 đến ngày 11/5/2023.

2.10. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Khắc Q1** 02 (hai) năm tù về tội “*Nhận hối lộ*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

2.11. Xử phạt bị cáo **Phan Viết T10** 02 (hai) năm tù về tội “*Nhận hối lộ*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

2.12. Xử phạt bị cáo **Phan Đình T1** 02 (hai) năm tù về tội “*Nhận hối lộ*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

3. Về án phí: căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo **Ngô Thị Thu H, Phan Đình T1, Mai Huỳnh Lệ T2, Lại Phú H10, Phạm Mạnh H2, Nguyễn Châu Kim L, Đinh Công K, Nguyễn Phước Q, Nguyễn Khắc Q1, Phan Viết T10, Nguyễn Quang T12 và Nguyễn Trung C2** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam công an tỉnh Đắk Lắk;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trần Đức Kiên

- Những người tham gia tổ tụng;
- Lưu: HSVA; LT; phòng HCTP.